

Bản án số: 1238/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22/9/2022  
V/v Ly hôn giữa ông H và bà Đinh

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Văn Tốt.
- Ông Nguyễn Văn Quân.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Khôi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 873/2022/TLST-HNGĐ ngày 22/7/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 831/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Trung H, sinh năm 1980;

Địa chỉ: xã P, huyện L, tỉnh V; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974;

Địa chỉ: khu phố 8, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. ; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Dương Trung H trình bày:*

Ông H và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh V cấp ngày 04/12/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hài hoà, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái, cùng nhau lo mọi việc trong gia đình. Tuy nhiên, thời gian sau giữa Ông H và bà D xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã khiến cuộc sống trở nên ngột ngạt. Ông H và bà D cũng đã nhiều lần tự hoà giải, cố gắng nói chuyện với nhau để hoá giải mâu thuẫn nhưng lại càng trầm trọng hơn.

Cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng nên Ông H và bà D đã tự sống ly thân hơn bốn năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai và tự lo cho riêng mình. Nay ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà D để ông ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông H đồng ý để bà D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Dương Ngọc Linh, nữ, sinh ngày 05/4/2013 và trẻ Dương Ngọc Yến, nữ, sinh ngày 25/11/2008, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định trong quá trình chung sống cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngày 29/8/2022 ông Dương Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến ông đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Về phía bị đơn: Bà Nguyễn Thị D có đăng ký tạm trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ số khu phố 8, phường T, Quận a, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 12 đã thực hiện thủ tục tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà D nhưng bà D chỉ đến tòa lập Bản tự khai vào ngày 29/8/2022. Trong bản tự khai bà D xác định chung sống với ông H từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, bản thân bà là người công giáo nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H theo quy định của pháp luật: bà xin vắng trong các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử vắng mặt bà. Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Dương Ngọc Linh, nữ, sinh ngày 05/4/2013 và trẻ Dương Ngọc Yến, nữ, sinh ngày 25/11/2008. Sau khi ly hôn, bà D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Dương Ngọc L, nữ, sinh ngày 05/4/2013 và trẻ Dương Ngọc Y, nữ, sinh ngày 25/11/2008, bà D tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 29/8/2022 bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà D giữ nguyên ý kiến bà đã trình bày trong bản tự khai tại Tòa án.

Những lần Tòa án triệu tập sau đó bà D đều vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành hoà giải đối với bị đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Chủ toạ phiên toà công bố các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của ông H có cơ sở chấp

nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* ông Dương Trung H có đơn yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị D, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại Kết quả xác minh của Công an phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà D có đăng ký tạm trú và hiện đang cư trú tại Quận 12. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Dương Trung H, bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Dương Trung H, bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 04/12/2008. Quan hệ hôn nhân giữa Ông H và bà D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Mâu thuẫn giữa Ông H và bà D phát sinh nguyên nhân chính do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Ông H và bà D cũng đã nhiều lần tự hoà giải, cố gắng nói chuyện với nhau để hoá giải mâu thuẫn nhưng lại càng trầm trọng hơn. Cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng nên Ông H và bà D đã tự sống ly thân hơn bốn năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai và tự lo cho riêng mình. Nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên ông H xin ly hôn với bà D.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà D. Bà D cũng xác định trong Bản tự khai rằng mâu thuẫn vợ chồng bà là trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên không thể hàn gắn được. Hơn nữa, bà là người công giáo nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H theo quy định pháp luật để bà ổn định cuộc sống lo cho con cái.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa Ông H và bà D đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Dương Trung H.

[4] Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Ông H và bà D chung sống có 02 con chung là trẻ Dương Ngọc Linh, nữ, sinh ngày 05/4/2013 và trẻ Dương Ngọc Yến, nữ, sinh ngày 25/11/2008. Hiện nay trẻ Linh và trẻ Yến đang ở cùng với bà Dinh, do bà D trực tiếp nuôi dưỡng và các trẻ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, ông H đồng ý giao hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao trẻ Dương Ngọc Linh, nữ, sinh ngày 05/4/2013 và trẻ Dương Ngọc Yến, nữ, sinh ngày 25/11/2008 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà D về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Dương Trung H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Trung H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của ông Dương Trung H. Cho ly hôn giữa ông Dương Trung H và bà Nguyễn Thị D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh V cấp ngày 04/12/2008 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ Dương Ngọc L, nữ, sinh ngày 05/4/2013 và trẻ Dương Ngọc Y, nữ, sinh ngày 25/11/2008 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Dương Trung H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Trung H phải chịu án phí ly hôn sơ

thảm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0023763 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỊCH PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Hoài**